

Bản án số: 212/2024/DS-ST
Ngày 20-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Dung.

Bà Nguyễn Thị Mai Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Lam Điền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đại Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 490/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á

Địa chỉ: **Lầu H, tòa nhà A, D đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Minh T**; địa chỉ liên lạc: **Lầu H, tòa nhà A, D đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01-7-2024). (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1974

Địa chỉ: **Số F đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.** (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Thái P**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số F đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03-3-2022 và trong quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông **Phạm Minh T** trình bày:

- Ngân hàng TMCP Á (viết tắt **A**) cấp tín dụng cho ông **Nguyễn Thanh V** căn cứ theo hợp đồng tín dụng trả góp số XUK.CN.01.301214 ngày 30-12-2014 (số tài khoản vay: 191398089), số tiền vay: 77.000.000 đồng; mục đích cho vay: UIL – Tiêu dùng tín chấp – Hỗ trợ tiêu dùng; phương thức cho vay: cho vay từng lần; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay; phương thức giải ngân: chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán số 191405389 cho ông **Nguyễn Thanh V** tại **A**; lãi suất trong hạn: 12%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; phí, phạt vi phạm: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông **V** vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn nên ngày 16-8-2019 **A** ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và áp dụng lãi quá hạn đối với toàn bộ nợ khoản vay. Tính đến ngày 23-02-2022, ông **V** còn nợ **A** vốn gốc 39.793.000 đồng, lãi trong hạn 21.200.666 đồng, lãi quá hạn 17.747.678 đồng, phạt vi phạm/trễ kỳ 5.400.000 đồng, tổng cộng 84.141.344 đồng.

- Khoản nợ của ông **V** được đảm bảo bằng biện pháp bảo đảm bảo lãnh của bà **Nguyễn Thị Thái P** theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 30-12-2014, theo đó bên bảo lãnh đồng ý cùng trả nợ với bên được cấp tín dụng (ông **Nguyễn Thanh V**) theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, kế ước nhận nợ, các cam kết của bên được cấp tín dụng khi được **A** cấp tín dụng dưới hình thức khác (chiết khấu, cấp tín dụng, mở L/C...) và các cam kết khác của bên được cấp tín dụng với **A** và đồng ý trả thay cho bên được cấp tín dụng khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

- **A** yêu cầu ông **V** trả ngay cho **A** tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 20-8-2024 là 101.733.522 đồng (trong đó vốn gốc 39.333.706 đồng, lãi trong hạn 21.200.666 đồng, lãi quá hạn 35.799.149 đồng, phạt vi phạm/trễ kỳ 5.400.000 đồng). Ông **V** còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng trả góp kể từ ngày 21-8-2024 đến ngày trả hết nợ. Nếu ông **V** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bên bảo lãnh là bà **P** thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 30-12-2014.

Tại phiên tòa,

* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông **Phạm Minh T** trình bày:

Từ lúc vay đến nay, tổng số tiền ông **V** đã trả 62.596.294 đồng, trong đó trả nợ gốc 37.666.294 đồng, trả lãi trong hạn 22.330.000 đồng, trả phí phạt trễ kỳ 2.600.000 đồng, ông **V** trả nợ cho **A** lần cuối cùng vào ngày 07-6-2017. Ngân hàng yêu cầu ông **V** trả cho **A** tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 20-8-2024 là 101.733.522 đồng (trong đó vốn gốc 39.333.706 đồng, lãi trong hạn 21.200.666 đồng, lãi quá hạn 35.799.149 đồng, phạt vi phạm/trễ kỳ 5.400.000 đồng). Ông **V** còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng trả góp kể từ ngày 21-8-2024 đến ngày trả hết nợ. Nếu ông **V** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bên bảo lãnh là bà **P** thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 30-12-2014.

* Bị đơn ông **Nguyễn Thanh V** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Thái P** vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS năm 2015). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên bị đơn ông **Nguyễn Thanh V** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Thái P** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Nguyễn Thanh V** trả cho **Ngân hàng TMCP Á** số tiền tạm tính đến ngày 20-8-2024 là 101.733.522 đồng (trong đó vốn gốc 39.333.706 đồng, lãi trong hạn 21.200.666 đồng, lãi quá hạn 35.799.149 đồng, phạt vi phạm/trễ kỳ 5.400.000 đồng) và buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 21-8-2024 cho đến khi tất nợ. Nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bên bảo lãnh là bà **P** thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 30-12-2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông **Nguyễn Thanh V** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Thái P** đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông **V**, bà **P** vẫn vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt ông **V**, bà **P** là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 03-3-2022 và Hợp đồng tín dụng trả góp ngày 30-12-2014 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn, do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng, do đó xác định đây là loại kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặc dù Công an phường A, quận N, thành phố Cần Thơ xác nhận trên địa bàn phường A, quận N, thành phố Cần Thơ không có địa chỉ F đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nhưng nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của ông V trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại Hợp đồng tín dụng trả góp, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và sổ hộ khẩu, ông V thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ nơi cư trú mới cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận N, thành phố Cần Thơ. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] *Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:*

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng trả góp số XUK.CN.01.301214 ngày 30-12-2014 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền, bị đơn ký hợp đồng tín dụng trả góp với nguyên đơn để vay số tiền 77.000.000 đồng, dư nợ 77.000.000 đồng kèm theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ có chữ ký của bị đơn đã thể hiện giữa bị đơn và nguyên đơn có sự giao dịch vay vốn. Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn vốn gốc 37.666.294 đồng, lãi trong hạn 22.330.000 đồng và phí phạt trễ kỳ 2.600.000 đồng đến ngày 07-6-2017 thì ngưng trả, dư nợ hiện tại tính đến ngày 20-8-2024 là 39.333.706 đồng.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập để thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp các chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Do bị đơn không trả tiền gốc và lãi theo đúng hợp đồng tín dụng trả góp nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 4 của hợp đồng, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 39.333.706 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Đối với yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm:*

Hợp đồng tín dụng trả góp số XUK.CN.01.301214 ngày 30-12-2014 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận việc vay vốn, thỏa thuận các điều khoản về tính lãi suất, phí, phạt vi phạm, trong đó có lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phí, phạt vi phạm được quy định tại Điều 2, Điều 4 của hợp đồng một cách tự nguyện, việc thỏa thuận được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, hợp đồng tín dụng trên đã được thực hiện và có hiệu lực thi hành. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”, bị đơn không thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo đúng hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào Bảng tính lãi theo tài khoản của nguyên đơn tính từ ngày 30-5-2017 đến ngày 20-8-2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trong hạn 21.200.667 đồng, lãi quá hạn 35.799.149 đồng, phạt vi phạm 5.400.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu buộc bên bảo lãnh phải trả nợ:

Để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn, bà Nguyễn Thị Thái P đã lập giấy cam kết về việc trả nợ ngày 30-12-2014, theo nội dung giấy cam kết thể hiện : “*Bên cam kết đồng ý trả thay cho bên được cấp tín dụng các khoản nợ của bên được cấp tín dụng với A khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ*”.

Xét thấy, giấy cam kết về việc trả nợ do bà P cam kết được lập thành văn bản phù hợp về hình thức được quy định tại Điều 362 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên phát sinh hiệu lực. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà P thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại 361, Điều 363 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 39.333.706 đồng, tiền lãi trong hạn 21.200.667 đồng, tiền lãi quá hạn 35.799.149 đồng, phạt vi phạm 5.400.000 đồng, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 101.733.522 đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] *Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:* 5.100.000 đồng, nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn đã nộp xong .

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS năm 2015;

- Điều 361, Điều 362 và Điều 363 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh V.

Buộc ông Nguyễn Thanh V phải trả cho Ngân hàng TMCP Á số nợ gốc, lãi tính đến ngày 20-8-2024 là 101.733.522 đồng (Trong đó nợ gốc: 39.333.706 đồng, nợ lãi trong hạn 21.200.667 đồng, nợ lãi quá hạn 35.799.149 đồng, phạt vi phạm 5.400.000 đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Thanh V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á thì Ngân hàng TMCP Á có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Thái P thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 30-12-2014.

Kể từ ngày 21-8-2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng), nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn đã nộp xong .

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh V phải chịu án phí là 5.086.676 đồng. (Năm triệu không trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á được nhận lại 2.104.000 đồng (Hai triệu một trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001070 ngày 10-5-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng